

SỔ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH	
ĐẾN	Số: 29149
	Giờ: Ngày 16 tháng 08 năm 15

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN
TÁM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG
ĐỒNG NAI

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Hội đồng quản trị	2 - 4
3. Báo cáo kiểm toán	5 - 6
4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2013	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013	14 - 38
8. Phụ lục	39 - 40

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty trình bày Báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được soát xét.

Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần tắm lợi vật liệu xây dựng Đồng Nai được thành lập theo Quyết định số 73/2000/QĐ-TTg ngày 21 tháng 6 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Công ty tắm lợi vật liệu xây dựng Đồng Nai (thuộc Tổng Công ty Xi măng Việt Nam) sang công ty cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3600475018 (số cũ là 4703000010), đăng ký lần đầu ngày 22 tháng 9 năm 2000 và đăng ký thay đổi lần thứ tư ngày 19 tháng 8 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 272.236.470.000 VND

Trong đó:

	Số tiền (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty công nghiệp xi măng Việt Nam	34.023.660.000	12,50
Các cổ đông khác	238.212.810.000	87,50
Cộng	272.236.470.000	100,00

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Điện thoại : (061) 3836130

Fax : (061) 3836023

Mã số thuế : 3600475018

Đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty cổ phần tắm lợi vật liệu xây dựng Đồng Nai tại TP. Hồ Chí Minh	Số 2/14 - 2/16 Hàm Nghi, phường Bến Nghé, TP. Hồ Chí Minh

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là: Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm xi măng, tắm lợi và xây lắp; Dịch vụ thương mại, xuất nhập khẩu các loại vật tư, nguyên liệu, vật liệu xây dựng, trang trí nội thất và thiết bị phụ tùng chuyên ngành xây dựng; Sản xuất, mua bán Clinker; Mua bán nước sạch phục vụ cho sinh hoạt và sản xuất công nghiệp; Xây dựng công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông đường bộ, thủy lợi, cơ sở hạ tầng Khu công nghiệp, khu dân cư; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ, đường thủy; Mua bán xe ô tô, xe gắn máy; Bốc xếp hàng hóa; Kinh doanh bất động sản.

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty

Doanh thu kỳ này giảm mạnh so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do Công ty chuyển sang hình thức gia công xi măng cho Công ty cổ phần xi măng Công Thanh thay vì sản xuất bán như năm trước.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm Báo cáo này (từ trang 07 đến trang 40).



CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỘP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Hội đồng quản trị Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày 30 tháng 6 năm 2013 cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập Báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Công Lý	Chủ tịch	29 tháng 4 năm 2010	-
Bà Nguyễn Thị Thành	Ủy viên	29 tháng 4 năm 2010	-
Ông Dương Xuân Bình	Ủy viên	29 tháng 4 năm 2010	-
Ông Jiang Wen	Ủy viên	29 tháng 4 năm 2010	-
Ông Lê Trung Chính	Ủy viên	29 tháng 4 năm 2010	-

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Nho	Trưởng ban	29 tháng 4 năm 2010	-
Ông Phạm Đức Hùng	Thành viên	29 tháng 4 năm 2010	-
Ông Nguyễn Đoàn Dũng	Thành viên	29 tháng 4 năm 2010	-

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Công Lý	Tổng Giám đốc	01 tháng 7 năm 2005	-
Ông Nguyễn Bá Truật	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 10 năm 2002	-
Ông Dương Xuân Bình	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 11 năm 2005	-
Ông Lê Trung Chính	Phó Tổng Giám đốc	01 tháng 11 năm 2005	-
Ông Trần Quốc Khánh	Phó Tổng Giám đốc	16 tháng 5 năm 2008	-
Bà Nguyễn Thị Thanh Tâm	Phó Tổng Giám đốc	17 tháng 3 năm 2010	-

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính giữa niên độ; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Hội đồng quản trị phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cổ phần tắm lọc vật liệu xây dựng Đồng Nai tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc 31 tháng 12 năm 2013, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Hội đồng quản trị,



Nguyễn Công Lý
Chủ tịch

Ngày 15 tháng 8 năm 2013





**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters : 1-3 Song Day St., Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang : 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0709/2013/BCTC-KTTV

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI**

**Kính gửi: QUÍ CÔ ĐỒNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI**

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty cổ phần tắm lợi vật liệu xây dựng Đồng Nai gồm: Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, được lập ngày 06 tháng 8 năm 2013, từ trang 07 đến trang 40 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính này trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ không còn chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trong quá trình soát xét chúng tôi nhận thấy có một số vấn đề sau:

- Báo cáo kiểm toán năm 2011 có nêu ý kiến ngoại trừ do chưa thu thập được đầy đủ bằng chứng để xác định tính hợp lý của các chi phí liên quan đến giai đoạn chạy thử (bao gồm cả chi phí lãi vay) từ tháng 4 đến tháng 12 năm 2011 của Nhà máy nghiền xi măng ở Nhơn Trạch đã được Công ty vốn hóa với số tiền 76.511.299.453 VND. Cho đến thời điểm hiện tại, chúng tôi vẫn chưa được cung cấp đầy đủ bằng chứng để xác định tính hợp lý của hoạt động chạy thử này.
- Năm 2012, Công ty thực hiện xóa sổ công nợ phải trả đối với nhà thầu China Machine - Building International Corp bằng cách cản trừ với công nợ phải thu của Công ty cổ phần vận tải An Tôn là 8.564.107.603 VND và ghi nhận vào thu nhập là 33.993.181.797 VND. Ngoài ra, Công ty cũng thực hiện xóa sổ và ghi nhận vào thu nhập khoản công nợ phải trả Công ty TNHH Hwan Tai Việt Nam với số tiền là 2.568.720.000 VND. Cho đến thời điểm hiện tại, chúng tôi vẫn chưa được cung cấp đầy đủ bằng chứng để đảm bảo cho tính hợp lý của việc ghi nhận vào thu nhập các khoản công nợ phải trả này.



Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của các vấn đề nêu trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào khác để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Lý Quốc Trung - Phó Tổng Giám đốc
Số giấy CĐKHN kiểm toán: 0099-2013-008-1

Nguyễn Hoàng Yến - Kiểm toán viên
Số giấy CĐKHN kiểm toán: 0088-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 8 năm 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		114.160.208.172	138.765.720.577
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	1.773.588.272	5.380.978.985
1. Tiền	111		1.773.588.272	5.380.978.985
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	129		-	-
III. Các khoản phải thu	130		32.864.878.323	66.428.989.124
1. Phải thu của khách hàng	131	V.2	19.335.843.077	58.622.500.953
2. Trả trước cho người bán	132	V.3	1.517.847.848	1.355.406.995
3. Phải thu nội bộ	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.4	12.011.187.398	6.451.081.176
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		74.199.710.269	64.724.054.967
1. Hàng tồn kho	141	V.5	74.199.710.269	64.724.054.967
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.322.031.308	2.231.697.501
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		1.673.190.925	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.6	3.648.840.383	2.231.697.501

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		953.184.860.135	1.000.082.627.691
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		865.440.301.031	910.082.627.691
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.7	856.117.356.675	877.174.955.298
Nguyên giá	222		1.044.153.951.787	1.036.522.174.375
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(188.036.595.112)	(159.347.219.077)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.8	8.911.931.482	9.075.011.188
Nguyên giá	228		9.626.146.689	9.626.146.689
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(714.215.207)	(551.135.501)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.9	411.012.874	23.832.661.205
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
Nguyên giá	241		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		78.654.371.114	90.000.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
3. Đầu tư dài hạn khác	258	V.10	90.000.000.000	90.000.000.000
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	259	V.11	(11.345.628.886)	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		9.090.187.990	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	9.090.187.990	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.13	-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.067.345.068.307	1.138.848.348.268

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		795.930.434.592	793.708.572.794
I. Nợ ngắn hạn	310		368.360.607.785	346.138.745.987
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.14	243.877.589.092	222.695.109.807
2. Phải trả người bán	312	V.15	34.219.989.414	44.649.073.976
3. Người mua trả tiền trước	313		412.041.740	893.971.363
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.16	6.510.537.665	8.004.872.887
5. Phải trả người lao động	315	V.17	3.072.539.821	5.140.706.833
6. Chi phí phải trả	316		-	-
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.18	76.472.064.592	60.189.719.660
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.19	3.795.845.461	4.565.291.461
12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
II. Nợ dài hạn	330		427.569.826.807	447.569.826.807
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.20	427.569.826.807	447.569.826.807
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		271.414.633.715	345.139.775.474
I. Vốn chủ sở hữu	410		271.414.633.715	345.139.775.474
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.21	272.236.470.000	272.236.470.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.21	76.737.250.400	76.737.250.400
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417	V.21	11.243.301.309	11.243.301.309
8. Quỹ dự phòng tài chính	418	V.21	11.450.902.692	11.450.902.692
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420	V.21	(100.253.290.686)	(26.528.148.927)
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.067.345.068.307	1.138.848.348.268

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỘP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	V.23	41.682.274.268	30.398.249.230
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		39.460.608	39.460.608
5. Ngoại tệ các loại:		-	-
Dollar Mỹ (USD)		39,90	489,67
Euro (EUR)		372,96	372,78
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Đồng Nai, ngày 06 tháng 8 năm 2013


Bùi Thị Hoan
Người lập biểu


Nguyễn Thị Ánh
Kế toán trưởng


Nguyễn Công Lý
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TẤM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**(Dạng đầy đủ)**

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lấy kể từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL.1	148.425.785.016	284.192.178.167
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VL.1	148.425.785.016	284.192.178.167
4. Giá vốn hàng bán	11	VL.2	145.262.905.421	257.735.833.050
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		3.162.879.595	26.456.345.117
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL.3	44.581.300	1.466.955.457
7. Chi phí tài chính	22	VL.4	59.639.780.472	57.576.096.122
Trong đó: chi phí lãi vay	23		47.597.933.069	57.387.630.322
8. Chi phí bán hàng	24	VL.5	3.821.709.755	4.349.709.305
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VL.6	9.481.206.654	8.808.111.696
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(69.735.235.986)	(42.810.616.549)
11. Thu nhập khác	31	VL.7	84.937.369	37.343.082.485
12. Chi phí khác	32	VL.8	4.074.843.142	584.398.896
13. Lợi nhuận khác	40		(3.989.905.773)	36.758.683.589
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(73.725.141.759)	(6.051.932.960)
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.16	-	1.960.485.063
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	(3.163.837.101)
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>(73.725.141.759)</u>	<u>(4.848.580.922)</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VL.9	<u>(2.708)</u>	<u>(178)</u>

Đồng Nai, ngày 06 tháng 8 năm 2013


 Bùi Thị Hoan
 Người lập biểu


 Nguyễn Thị Ánh
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Công Lý
 Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(73.725.141.759)	(6.051.932.960)
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định	02		30.122.012.225	29.287.126.048
- Các khoản dự phòng	03	V.11	11.345.628.886	-
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	VI.4	392.756.072	(60.716.901)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.7	(81.818.180)	(1.336.253.875)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	47.597.933.069	57.387.630.322
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		15.651.370.313	79.225.852.634
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		30.473.776.994	2.497.986.354
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(9.475.655.302)	(38.623.203.955)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(9.940.239.878)	27.367.626.830
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		11.012.637.126	-
- Tiền lãi vay đã trả	13	V.18, VI.4	(29.993.818.505)	(49.502.300.441)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	V.16	(1.609.993.688)	(4.415.828.944)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	16	V.19	(769.446.000)	(739.891.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		5.348.631.060	15.810.241.478
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.7,V.9	(1.122.119.806)	(10.607.649.539)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		81.818.180	42.022.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		-	1.353.500.000
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(1.040.301.626)	(9.212.127.539)

CÔNG TY CỔ PHẦN TÂM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	V.14	85.553.344.213	185.470.218.618
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	V.14	(84.370.864.928)	(194.950.852.996)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.18	(8.000.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		1.174.479.285	(9.480.634.378)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		5.482.808.719	(2.882.520.439)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	5.380.978.985	3.917.431.449
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		(11.442)	1.206.631
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	10.863.776.262	1.036.117.641

Đồng Nai, ngày 06 tháng 8 năm 2013


Bùi Thị Hoan
Người lập biểu


Nguyễn Thị Ánh
Kế toán trưởng


Nguyễn Công Lý
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng và xây lắp.
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Sản xuất, kinh doanh các sản phẩm xi măng, tấm lợp và xây lắp; Dịch vụ thương mại, xuất nhập khẩu các loại vật tư, nguyên liệu, vật liệu xây dựng, trang trí nội thất và thiết bị phụ tùng chuyên ngành xây dựng; Mua bán nước sạch phục vụ cho sinh hoạt và sản xuất công nghiệp.
4. **Nhân viên**
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 Công ty có 473 nhân viên đang làm việc (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 526 nhân viên).
5. **Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**
Doanh thu kỳ này giảm mạnh so với cùng kỳ năm trước chủ yếu do Công ty chuyển sang hình thức gia công xi măng cho Công ty cổ phần xi măng Công Thanh thay vì sản xuất bán như năm trước.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán**
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính giữa niên độ được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Tỷ lệ khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Tỷ lệ</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	02% - 20%
Máy móc và thiết bị	6,6% - 33,3%
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05% - 16,6%
Thiết bị, dụng cụ quản lý	10% - 20%

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỘP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6. Tài sản thuê hoạt động

Công ty là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất được khấu hao với tỷ lệ từ 02%/năm đến 2,5%/năm.

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

10. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào các tổ chức kinh tế khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong kỳ.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

11. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí xây dựng đường đi

Chi phí xây dựng tuyến đường đi Khu công nghiệp Ông Kèo được phân bổ với thời gian 10 năm.

Công cụ, dụng cụ

Giá trị còn lại của các tài sản không đủ tiêu chuẩn ghi nhận là tài sản cố định theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 được phân bổ với thời gian không quá 03 năm.

12. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng 1/2 tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 01 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Công ty phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 01% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Công ty không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

13. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

14. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

15. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty như sau:

	Mục đích	Tỷ lệ trích lập từ lợi nhuận sau thuế	Mức trích lập tối đa
• Quỹ đầu tư phát triển	Mở rộng hoạt động kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu của Công ty	(*)	
• Quỹ dự phòng tài chính	Bù đắp những tổn thất, thiệt hại xảy ra trong quá trình kinh doanh.	05%	10% vốn điều lệ
• Quỹ khen thưởng, phúc lợi	Khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động	(*)	
• Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		(*)	

(*) Quỹ dự đầu tư phát triển, quỹ khen thưởng, phúc lợi và các quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

16. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỘP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

17. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được quy đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày: 30/6/2013 : 21.145 VND/USD
31/12/2012 : 20.815 VND/USD

18. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán thành phẩm

Doanh thu bán thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Doanh thu gia công

Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công được ghi nhận khi hàng hoá đã được gia công xong và được khách hàng chấp nhận. Doanh thu cung cấp dịch vụ gia công không được ghi nhận nếu có những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

19. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: các khoản cho vay và phải thu và tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.



CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua tài sản tài chính đó.

20. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

21. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỘP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

23. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII.2.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	27.475.890	124.043.389
Tiền gửi ngân hàng	1.746.112.382	5.256.935.596
Cộng	<u>1.773.588.272</u>	<u>5.380.978.985</u>

2. Phải thu khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty cổ phần xi măng Công Thanh	16.993.844.724	54.307.179.487
Các khách hàng khác	2.341.998.353	4.315.321.466
Cộng	<u>19.335.843.077</u>	<u>58.622.500.953</u>

3. Trả trước cho người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các nhà cung cấp xây dựng cơ bản	970.552.398	970.552.398
Các nhà cung cấp khác	547.295.450	384.854.597
Cộng	<u>1.517.847.848</u>	<u>1.355.406.995</u>

4. Phải thu khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế VAT hàng nhập khẩu	963.210.386	832.568.058
Thuế VAT nhà thầu	640.399.283	387.307.055
Các khoản thu khác có liên quan đến sự cố hư cần cầu của cảng nhà máy xi măng tại Nhơn Trạch – Đồng Nai đang chờ bồi thường (xem thuyết minh VII.1)	9.609.322.763	4.383.225.069
Phải thu khác	798.254.966	847.980.994
Cộng	<u>12.011.187.398</u>	<u>6.451.081.176</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**5. Hàng tồn kho**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	46.250.016.562	36.185.997.670
Công cụ, dụng cụ	333.038.942	424.558.655
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	25.593.715	25.593.715
Thành phẩm	27.591.061.050	28.087.904.927
Cộng	74.199.710.269	64.724.054.967

6. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tạm ứng	3.617.540.383	2.200.397.501
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	31.300.000	31.300.000
Cộng	3.648.840.383	2.231.697.501

7. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	478.378.990.403	513.022.963.564	41.814.462.646	3.305.757.762	1.036.522.174.375
Mua sắm trong kỳ	639.916.818	50.650.000	-	387.007.533	1.077.574.351
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	3.186.007.935	4.434.048.046	502.474.280	484.280.000	8.606.810.261
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(402.057.190)	-	(402.057.190)
Giảm khác ^(*)	(179.066.944)	(755.982.760)	(59.710.961)	(655.789.345)	(1.650.550.010)
Số cuối kỳ	482.025.848.212	516.751.678.850	41.855.168.775	3.521.255.950	1.044.153.951.787

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	15.811.541.517	51.339.072.014	9.975.547.510	454.319.275	77.580.480.316
--	----------------	----------------	---------------	-------------	----------------

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	44.950.802.402	93.545.217.151	19.565.984.795	1.285.214.729	159.347.219.077
Khấu hao trong kỳ	11.565.373.149	16.288.602.873	2.167.151.478	325.816.194	30.346.943.694
Thanh lý, nhượng bán	-	-	(402.057.190)	-	(402.057.190)
Giảm khác ^(*)	(165.680.060)	(679.685.192)	(46.662.651)	(363.482.566)	(1.255.510.469)
Số cuối kỳ	56.350.495.491	109.154.134.832	21.284.416.432	1.247.548.357	188.036.595.112

Giá trị còn lại

Số đầu năm	433.428.188.001	419.477.746.413	22.248.477.851	2.020.543.033	877.174.955.298
Số cuối kỳ	425.675.352.721	407.597.544.018	20.570.752.343	2.273.707.593	856.117.356.675

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-

^(*) Điều chỉnh các tài sản không thỏa mãn là tài sản cố định theo Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính sang chi phí trả trước dài hạn.

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 873.810.825.920 VND và 752.957.090.427 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	9.118.644.029	507.502.660	9.626.146.689
Số cuối kỳ	9.118.644.029	507.502.660	9.626.146.689
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	43.997.560	43.997.560
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm	440.775.186	110.360.315	551.135.501
Khấu hao trong kỳ	116.733.054	46.346.652	163.079.706
Số cuối kỳ	557.508.240	156.706.967	714.215.207
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	8.677.868.843	397.142.345	9.075.011.188
Số cuối kỳ	8.561.135.789	350.795.693	8.911.931.482
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Thông tin về tình hình tăng, giảm chi phí xây dựng cơ bản dở dang được trình bày ở phụ lục 1 đính kèm trang 39.

10. Đầu tư dài hạn khác

Khoản đầu tư vào cổ phiếu của Công ty cổ phần xi măng Công Thanh với số lượng cổ phiếu sở hữu là 9.000.000 cổ phiếu, chiếm tỷ lệ 10% vốn điều lệ.

11. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn

Dự phòng khoản đầu tư vào Công ty cổ phần xi măng Công Thanh.

12. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Số kết chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản và tài sản	Kết chuyển vào chi phí	Số cuối năm
Chi phí xây dựng tuyến đường đê Khu công nghiệp Ông Kèo	-	10.229.586.410	(1.534.437.961)	8.695.148.449
Công cụ, dụng cụ	-	395.039.541	-	395.039.541
Cộng	-	10.624.625.951	(1.534.437.961)	9.090.187.990

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Công ty có các khoản lỗ tính thuế qua các năm chưa sử dụng với số tiền như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Lỗ năm 2012	44.484.684.257	44.484.684.257
Lỗ 6 tháng đầu của năm 2013	68.833.672.642	-
Cộng	113.318.356.899	44.484.684.257

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Theo Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, khoản lỗ của bất kỳ năm tính thuế nào được chuyển sang bù trừ vào thu nhập trong thời gian tối đa không quá 05 năm kể từ năm tiếp sau năm phát sinh lỗ. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại không được ghi nhận cho khoản lỗ này vì khả năng có thu nhập chịu thuế trong tương lai là không chắc chắn.

14. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng ^(*)	223.877.589.092	222.695.109.807
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh V.20)	20.000.000.000	-
Cộng	243.877.589.092	222.695.109.807

- ^(*) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung nguồn vốn kinh doanh với lãi suất thả nổi có điều chỉnh được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ tại thời điểm giải ngân (lãi suất trong kỳ khoảng 10,5% - 12%). Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp một số tài sản cố định hữu hình (xem thuyết minh số V.7).

Chi tiết số phát sinh trong năm của các khoản vay và nợ ngắn hạn như sau:

	Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số kết chuyển	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Số cuối kỳ
Vay ngắn hạn ngân hàng	222.695.109.807	85.553.344.213	-	(84.370.864.928)	223.877.589.092
Vay dài hạn đến hạn trả	-	-	20.000.000.000	-	20.000.000.000
Cộng	222.695.109.807	85.553.344.213	20.000.000.000	(84.370.864.928)	243.877.589.092

15. Phải trả cho người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Các nhà cung cấp ngoài nước	26.299.771.450	26.988.729.000
Các nhà cung cấp trong nước	7.920.217.964	17.660.344.976
Cộng	34.219.989.414	44.649.073.976

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	3.962.640.530	4.828.236.332	(7.903.062.312)	887.814.550
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	832.568.058	4.563.786.761	(4.433.144.433)	963.210.386
Thuế xuất, nhập khẩu	396.460.980	2.173.231.789	(2.111.021.157)	458.671.612
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.609.993.688	-	(1.609.993.688)	-
Thuế thu nhập cá nhân	38.131.134	334.316.965	(335.784.920)	36.663.179
Thuế tài nguyên	6.252.389	45.145.223	(46.497.847)	4.899.765
Thuế nhà thầu	1.158.826.108	4.834.659.791	(1.834.207.726)	4.159.278.173
Thuế khác	-	6.531.160	(6.531.160)	-
Cộng	8.004.872.887	16.785.908.021	(18.280.243.243)	6.510.537.665

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Tầm lợi, xi măng, gạch, vận chuyển, phế liệu	10%
- Nước	05%

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 25% trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(73.725.141.759)	(6.051.932.960)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	4.891.469.117	14.384.852.853
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	(1.004.316.901)
Thu nhập chịu thuế	(68.833.672.642)	7.328.602.992
Thu nhập được miễn thuế	-	(1.350.000.000)
Thu nhập tính thuế	(68.833.672.642)	5.978.602.992
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	-	1.494.650.748
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	-	465.834.315
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	-	1.960.485.063

Thuế tài nguyên

Công ty phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác sử dụng nước với mức thuế suất như sau:

- Sử dụng nước mặt phục vụ sản xuất	01%
- Sử dụng nước dưới đất phục vụ sản xuất	03%
- Sử dụng nước dưới đất dùng cho hoạt động dịch vụ, sản xuất công nghiệp, xây dựng	06%

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

17. Phải trả người lao động

Quỹ lương của Công ty được xác định như sau:

- Quỹ tiền lương tại nhà máy Biên Hòa I được trích dựa vào số lượng thành phẩm tiêu thụ (riêng thành phẩm xi măng bao gồm cả tiêu thụ nội bộ) và đã được Hội đồng quản trị thông qua, cụ thể như sau:
 - Xi măng : 24.000 VND/tấn
 - Tầm lợp tiêu thụ: 865 VND/m²
 - Tầm lợp sản xuất 1.435 VND/m²
 - Gạch : 350 VND/viên
- Lương của nhân viên tại Nhà máy Nhơn Trạch được tính theo lương khoán.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

18. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	389.857.403	818.496.948
Kinh phí công đoàn	201.504.092	383.000.614
Bảo hiểm thất nghiệp	70.209.759	105.589.719
Cổ tức phải trả	27.263.285.675	27.271.285.675
Lãi vay phải trả	47.983.375.853	30.379.261.289
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	-	691.300.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	563.831.810	540.785.415
Cộng	76.472.064.592	60.189.719.660

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	2.187.099.769	(556.296.000)	1.630.803.769
Quỹ phúc lợi	2.378.191.692	(213.150.000)	2.165.041.692
Cộng	4.565.291.461	(769.446.000)	3.795.845.461

20. Vay và nợ dài hạn

Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để đầu tư xây dựng, mua sắm máy móc thiết bị, chi phí mặt bằng, đất đai và các chi phí khác liên quan đến việc đầu tư xây dựng Nhà máy nghiền xi măng Công Thanh ở Nhơn Trạch công suất 1.800.000 tấn/năm với lãi suất vay theo phương pháp thả nổi được quy định cụ thể trên từng giấy nhận nợ tại thời điểm giải ngân (lãi suất trong kỳ là 15%/năm). Khoản vay này được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay (xem thuyết minh số V.8).

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	20.000.000.000	-
Trên 01 năm đến 05 năm	427.569.826.807	447.569.826.807
Tổng nợ	447.569.826.807	447.569.826.807

Chi tiết số phát sinh về khoản vay và nợ dài hạn:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	447.569.826.807	427.569.826.807
Kết chuyển sang nợ dài hạn đến hạn trả	(20.000.000.000)	(23.000.000.000)
Số cuối kỳ	427.569.826.807	404.569.826.807

21. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 2 đính kèm trang 40.

Cổ tức

Trong kỳ Công ty chưa thực hiện chi trả cổ tức.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**Cổ phiếu**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	27.223.647	27.223.647
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	27.223.647	27.223.647
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	27.223.647	27.223.647
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	27.223.647	27.223.647
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	27.223.647	27.223.647
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

22. Vật tư hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Giá trị Clinker nhận gia công xi măng cho Công ty cổ phần xi măng Công Thanh	34.538.246.768	25.042.476.730
Vỏ bao nhận gia công cho Công ty cổ phần xi măng Công Thanh	7.144.027.500	5.355.772.500
Cộng	41.682.274.268	30.398.249.230

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	148.425.785.016	284.192.178.167
<i>Doanh thu bán tấm lợp và thành phẩm khác</i>	<i>96.793.340.740</i>	<i>133.282.967.167</i>
<i>Doanh thu xi măng</i>	<i>41.388.899.867</i>	<i>149.702.824.500</i>
<i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	<i>1.155.339.710</i>	<i>1.206.386.500</i>
<i>Doanh thu thi công công trình</i>	<i>9.088.204.699</i>	-
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	148.425.785.016	284.192.178.167

2. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của tấm lợp và thành phẩm khác đã tiêu thụ	74.892.934.330	92.129.275.872
Giá vốn xi măng đã tiêu thụ	64.705.743.934	164.999.210.441
Giá vốn thi công công trình	4.918.595.310	-
Giá vốn khác	745.631.847	607.346.737
Cộng	145.262.905.421	257.735.833.050

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	35.167.144	52.738.556
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	-	3.500.000
Cổ tức và lợi nhuận được chia	-	1.350.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	60.716.901
Doanh thu hoạt động tài chính khác	9.414.156	-
Cộng	44.581.300	1.466.955.457

4. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	47.597.933.069	57.387.630.322
Dự phòng giảm giá khoản đầu tư tài chính dài hạn	11.345.628.886	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	303.462.445	188.465.800
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	392.756.072	-
Cộng	59.639.780.472	57.576.096.122

5. Chi phí bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên	1.212.088.873	1.490.518.266
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	764.750.595	886.041.859
Chi phí khấu hao tài sản cố định	933.291.384	993.066.990
Chi phí dịch vụ mua ngoài	647.971.199	898.876.757
Chi phí khác	263.607.704	81.205.433
Cộng	3.821.709.755	4.349.709.305

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	2.340.079.695	2.709.380.880
Chi phí vật liệu quản lý	761.026.990	863.816.040
Chi phí khấu hao tài sản cố định	891.809.928	798.560.817
Thuế, phí và lệ phí	58.115.254	109.568.163
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.691.861.929	2.477.839.630
Chi phí khác	1.738.312.858	1.848.946.166
Cộng	9.481.206.654	8.808.111.696

7. Thu nhập khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu tiền thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	81.818.180	-
Các khoản nợ xác định không phải trả	-	37.340.084.725
Thu nhập khác	3.119.189	2.997.760
Cộng	84.937.369	37.343.082.485

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

8. Chi phí khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán.	-	59.268.125
Thuế thu nhập doanh nghiệp nhà thầu	3.975.841.660	-
Thuế bị phạt, bị truy thu	27.604.560	489.873.271
Phạt hành chính	70.386.089	35.000.000
Chi phí khác	1.010.833	257.500
Cộng	4.074.843.142	584.398.896

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(73.725.141.759)	(4.848.580.922)
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(73.725.141.759)	(4.848.580.922)
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	27.223.647	27.223.647
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(2.708)	(178)

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	71.822.977.630	197.756.079.692
Chi phí nhân công	18.489.343.300	18.475.413.845
Chi phí khấu hao tài sản cố định	30.122.012.225	29.287.126.048
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.078.205.501	18.505.240.073
Chi phí khác	3.894.528.995	2.122.132.590
Cộng	152.407.067.651	266.145.992.248

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Tài sản tiềm tàng

Ngày 22 tháng 5 năm 2012, Công ty đã kiện All Ocean Transportation Inc vì đã đâm vào cần cầu của Cảng Nhà máy xi măng Công Thanh và hy vọng sẽ được thanh toán một khoản tiền thiệt hại 181.284.000.000 VND. Ngày 07 tháng 6 năm 2012, Tòa án Nhân dân tỉnh Đồng Nai đã có Quyết định số 41/2012/QĐ.BTHBPĐ buộc All Ocean Transportation Inc thực hiện bảo lãnh ngân hàng với số tiền là 7.500.000,00 USD để hủy bỏ việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời đối với tàu YM Intelligent. Ngày 26 tháng 10 năm 2012, Công ty tiếp tục có đơn kiện bổ sung yêu cầu All Ocean Transportation Inc phải bồi thường 518.870.844.107 VND thay vì 181.284.000.000 VND như yêu cầu ban đầu. Mặc dù Tòa án Nhân dân tỉnh Đồng Nai đã thực hiện nhiều lần hòa giải nhưng vẫn chưa xác định được số tiền thiệt hại mà Công ty sẽ được bồi thường.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hội đồng quản trị	210.000.000	210.000.000
Cộng nợ phải thu	<u>210.000.000</u>	<u>210.000.000</u>
Hội đồng quản trị	-	550.000.000
Cộng nợ phải trả	<u>-</u>	<u>550.000.000</u>

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	881.499.100	793.086.793
Thù lao và các khoản khác	499.027.000	70.800.000
Cộng	<u>1.380.526.100</u>	<u>863.886.793</u>

Giao dịch với các bên liên quan khác

Bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty cổ phần xi măng Công Thanh	Công ty có cùng Chủ tịch Hội đồng quản trị
Công ty cổ phần kinh doanh xuất nhập khẩu Công Thanh	Công ty có cùng Chủ tịch Hội đồng quản trị
Công ty cổ phần Bê tông Công Thanh	Công ty có cùng Chủ tịch Hội đồng quản trị

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty cổ phần xi măng Công Thanh		
Mua nguyên vật liệu và dịch vụ	19.027.196.064	189.481.499.801
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	41.660.019.667	149.856.425.730
Cho vay	1.000.000.000	-
Công ty cổ phần kinh doanh xuất nhập khẩu Công Thanh		
Mua tài sản cố định	-	652.575.000
Công ty cổ phần Bê tông Công Thanh		
Mua bê tông	722.802.273	-

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Công ty cổ phần xi măng Công Thanh</i>		
Phải thu tiền hàng	16.993.844.724	54.307.179.487
Cộng nợ phải thu	16.993.844.724	54.307.179.487
<i>Công ty cổ phần xi măng Công Thanh</i>		
Phải trả tiền mua nguyên vật liệu	-	2.962.080.000
<i>Công ty cổ phần Bê tông Công Thanh</i>		
Phải trả tiền mua bê tông	795.082.500	-
Cộng nợ phải trả	795.082.500	2.962.080.000

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do các hoạt động kinh doanh của Công ty được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ cung cấp.

Lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Sản phẩm tấm lợp: sản xuất và kinh doanh sản phẩm tấm lợp
- Sản phẩm xi măng: sản xuất xi măng
- Các lĩnh vực khác: dịch vụ vận chuyển.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định, các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	<u>Kinh doanh các sản phẩm tấm lợp</u>	<u>Kinh doanh sản phẩm xi măng</u>	<u>Các lĩnh vực khác</u>	<u>Các khoản loại trừ</u>	<u>Cộng</u>
Kỳ này					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	95.636.737.320	41.386.369.867	11.402.677.829	-	148.425.785.016
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	153.934.800	2.530.000	-	(156.464.800)	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	95.790.672.120	41.388.899.867	11.402.677.829	(156.464.800)	148.425.785.016
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	12.884.154.830	(26.650.365.868)	3.782.639.024	-	(10.140.036.814)
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					(10.140.036.814)
Doanh thu hoạt động tài chính					44.581.300
Chi phí tài chính					(59.639.780.472)
Thu nhập khác					84.937.369

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Kinh doanh các sản phẩm tắm lột	Kinh doanh sản phẩm xi măng	Các lĩnh vực khác	Các khoản loại trừ	Cộng
Chi phí khác					(4.074.843.142)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					-
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					(73.725.141.759)
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	44.545.455	690.566.818	387.007.533	-	1.122.119.806
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	633.219.538	28.660.782.233	2.362.448.415	-	31.656.450.186
Kỳ trước					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	132.760.567.087	149.702.824.500	1.728.786.580	-	284.192.178.167
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	35.019.000	-	65.134.700	(100.153.700)	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	132.795.586.087	149.702.824.500	1.793.921.280	(100.153.700)	284.192.178.167
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	34.889.823.417	(20.452.475.689)	(1.138.823.612)	-	13.298.524.116
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					-
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					13.298.524.116
Doanh thu hoạt động tài chính					1.466.955.457
Chi phí tài chính					(57.576.096.122)
Thu nhập khác					37.343.082.485
Chi phí khác					(584.398.896)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(1.960.485.063)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					3.163.837.101
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp					(4.848.580.922)
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	4.903.932.684	5.631.853.219	71.863.636	-	10.607.649.539
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	877.941.416	26.057.587.317	2.351.597.315	-	29.287.126.048

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỘP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Kinh doanh các sản phẩm tắm lột	Gia công xi măng	Các lĩnh vực khác	Cộng
Số cuối kỳ				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	74.065.076.000	889.230.183.174	5.151.411.805	968.446.670.979
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				89.808.209.338
Tổng tài sản				1.067.345.068.307
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	73.438.534.704	628.965.840.695	6.747.611.475	709.151.986.874
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				86.778.447.718
Tổng nợ phải trả				795.930.434.592
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	95.537.727.870	935.751.063.083	7.910.324.722	1.039.199.115.675
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				99.649.232.593
Tổng tài sản				1.138.848.348.268
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	2.750.099.738	733.507.766.759	15.070.083.578	751.327.950.075
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				42.380.622.719
Tổng nợ phải trả				793.708.572.794

Khu vực địa lý

Hoạt động kinh doanh của Công ty chỉ được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam.

4. Số liệu so sánh

Trong kỳ Công ty đã trình bày lại các khoản chi phí liên quan đến sự cố hư cần cầu của cảng Nhà máy xi măng tại Nhơn Trạch – Đồng Nai đang chờ bồi thường sang khoản mục phải thu khác.

Ảnh hưởng của việc điều chỉnh này đến số liệu so sánh của năm trước như sau:

	Mã số	Số liệu theo Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm trước	Các điều chỉnh	Số liệu sau điều chỉnh
Bảng cân đối kế toán giữa niên độ				
Các khoản phải thu khác	135	2.067.856.107	4.383.225.069	6.451.081.176
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	4.383.225.069	(4.383.225.069)	-
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ				
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	3.578.078.828	(1.080.092.474)	2.497.986.354
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(1.080.092.474)	1.080.092.474	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

5. Thuê hoạt động

Hợp đồng đi thuê

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động sẽ được thanh toán như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 01 năm trở xuống	1.080.911.869	1.065.166.566
Trên 01 năm đến 05 năm	4.323.647.474	4.260.666.264
Trên 05 năm	36.030.395.617	36.041.094.278
Cộng	41.434.954.960	41.366.927.108

Công ty thuê lại đất và sử dụng hạ tầng tại khu công nghiệp Biên Hòa I đối với diện tích đất sử dụng dưới hình thức thuê hoạt động. Hợp đồng thuê có hiệu lực trong khoảng từ ngày 01 tháng 01 năm 2006 đến ngày 12 tháng 4 năm 2051.

6. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt, yêu cầu khách hàng ứng trước tiền hàng và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.6 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).



CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá	Cộng
Số cuối kỳ					
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.773.588.272	-	-	-	1.773.588.272
Phải thu khách hàng	19.118.182.073	-	217.661.004	-	19.335.843.077
Các khoản phải thu khác	31.300.000	-	-	-	31.300.000
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	-	-	-	90.000.000.000	90.000.000.000
Cộng	99.577.441.459	-	217.661.004	90.000.000.000	111.140.731.349
Số đầu năm					
Tiền và các khoản tương đương tiền	5.380.978.985	-	-	-	5.380.978.985
Phải thu khách hàng	10.768.901.282	-	47.853.599.671	-	58.622.500.953
Các khoản phải thu khác	31.300.000	-	-	-	31.300.000
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	90.000.000.000	-	-	-	90.000.000.000
Cộng	106.181.180.267	-	47.853.599.671	-	154.034.779.938

Chi tiết thời gian quá hạn của khoản phải thu khách hàng đã quá hạn nhưng không giảm giá như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Quá hạn dưới 06 tháng	115.492.305	47.645.046.532
Quá hạn trên 06 tháng đến dưới 01 năm	97.530.329	167.373.110
Quá hạn trên 01 năm đến dưới 02 năm	-	36.541.659
Quá hạn trên 02 năm đến 03 năm	-	4.638.370
Quá hạn trên 03 năm	4.638.370	-
Cộng	217.661.004	47.853.599.671

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (bao gồm cả lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

	Trên 01 năm đến 05 năm		
	Từ 01 năm trở xuống		Cộng
Số cuối kỳ			
Vay và nợ	320.709.766.239	569.495.325.333	890.205.091.572
Phải trả người bán	34.219.989.414	-	34.219.989.414
Các khoản phải trả khác	75.246.661.528	-	75.246.661.528
Cộng	430.176.417.181	569.495.325.333	999.671.742.514
Số đầu năm			
Vay và nợ	230.143.569.451	688.518.041.655	918.661.611.106
Phải trả người bán	44.649.073.976	-	44.649.073.976
Các khoản phải trả khác	58.341.846.964	-	58.341.846.964
Cộng	333.134.490.391	688.518.041.655	1.021.652.532.046

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản vay đến hạn trong vòng 12 tháng có thể được gia hạn với các bên cho vay hiện tại.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, rủi ro về giá chứng khoán và rủi ro giá nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 và ngày 31 tháng 12 năm 2012 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty nhập khẩu nguyên vật liệu phục vụ cho sản xuất với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	USD	EUR	USD	EUR
Tiền và các khoản tương đương tiền	39,90	372,96	489,67	372,78
Phải trả người bán	(1.244.665,00)	-	(1.296.600,00)	-
Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ	(1.244.625,10)	372,96	(1.296.110,33)	372,78

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay ngắn hạn và dài hạn có lãi suất theo thị trường.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất.

Các công cụ tài chính có lãi suất thị trường của Công ty chỉ có các khoản vay ngắn hạn và dài hạn. Số dư các khoản vay có lãi suất thị trường tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 671.447.415.899 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 670.264.936.614 VND).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 02% thì lợi nhuận trước thuế năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 13.428.948.318 VND (cùng kỳ năm trước giảm/tăng 14.120.252.726 VND).

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu chưa niêm yết do Công ty nắm giữ có thể bị ảnh hưởng bởi các rủi ro về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư.

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động giá chứng khoán đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể.

Rủi ro về giá nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Sự biến động của giá cả ảnh hưởng lớn đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh để phòng ngừa rủi ro về giá nguyên vật liệu.

Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2012.

7. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.773.588.272	-	5.380.978.985	-	1.773.588.272	5.380.978.985
Phải thu khách hàng	19.335.843.077	-	58.622.500.953	-	19.335.843.077	58.622.500.953
Các khoản phải thu khác	31.300.000	-	31.300.000	-	31.300.000	31.300.000
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	90.000.000.000	(11.345.628.886)	90.000.000.000	-	78.654.371.114	90.000.000.000
Cộng	111.140.731.349	(11.345.628.886)	154.034.779.938	-	99.795.102.463	154.034.779.938

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỢP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hoà 1, TP. Biên Hoà, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay và nợ	671.447.415.899	670.264.936.614	671.447.415.899	670.264.936.614
Phải trả người bán	34.219.989.414	44.649.073.976	34.219.989.414	44.649.073.976
Các khoản phải trả khác	75.246.661.528	58.341.846.964	75.246.661.528	58.341.846.964
Cộng	780.914.066.841	773.255.857.554	780.914.066.841	773.255.857.554

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán, các khoản phải trả ngắn hạn khác tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.
- Giá trị hợp lý của các khoản vay dài hạn được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự. Giá trị hợp lý của các khoản mục này tương đương giá trị sổ sách do ảnh hưởng của việc chiết khấu là không đáng kể.

Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị sổ sách.

Đồng Nai, ngày 06 tháng 8 năm 2013


Bùi Thị Hoan
Người lập biểu


Nguyễn Thị Ánh
Kế toán trưởng


Nguyễn Công Lý
Tổng Giám đốc



CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỘP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Phụ lục 1: Bảng tình hình tăng giảm chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Đơn vị tính: VND

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Tăng khác	Kết chuyển TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển vào chi phí trả trước trong kỳ	Kết chuyển vào giá vốn và chi phí	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	305.679.060	-	-	-	-	-	305.679.060
Xây dựng cơ bản dở dang	23.526.982.145	44.545.455	311.637.831	(8.606.810.261)	(10.229.586.410)	(4.941.434.946)	105.333.814
- Nhà máy nghiền xi măng Nhơn Trạch	8.629.649.897	-	-	(8.606.810.261)	-	(22.839.636)	-
- Công trình đường Phước Khánh đến trạm nghiền	14.836.543.889	-	311.637.831	-	(10.229.586.410)	(4.918.595.310)	-
- Các công trình khác	60.788.359	44.545.455	-	-	-	-	105.333.814
Cộng	23.832.661.205	44.545.455	311.637.831	(8.606.810.261)	(10.229.586.410)	(4.941.434.946)	411.012.874

Đồng Nai, ngày 06 tháng 8 năm 2013

Bùi Thị Hoan
Người lập biểuNguyễn Thị Ánh
Kế toán trưởngNguyễn Công Lý
Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN TẮM LỘP VẬT LIỆU XÂY DỰNG ĐỒNG NAI

Địa chỉ: Đường số 4, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Phụ lục 2: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	272.236.470.000	76.737.250.400	(11.470.855.106)	11.243.301.309	11.450.902.692	28.655.171.332	388.852.240.627
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	(55.183.320.259)	(55.183.320.259)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của tiền và công nợ ngắn hạn	-	-	11.470.855.106	-	-	-	11.470.855.106
Số dư cuối năm trước	272.236.470.000	76.737.250.400	-	11.243.301.309	11.450.902.692	(26.528.148.927)	345.139.775.474
Số dư đầu năm nay	272.236.470.000	76.737.250.400	-	11.243.301.309	11.450.902.692	(26.528.148.927)	345.139.775.474
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	(73.725.141.759)	(73.725.141.759)
Số dư cuối kỳ	272.236.470.000	76.737.250.400	-	11.243.301.309	11.450.902.692	(100.253.290.686)	271.414.633.715

Đồng Nai, ngày 06 tháng 8 năm 2013


Bùi Thị Hoan
 Người lập biểu


Nguyễn Thị Ánh
 Kế toán trưởng


Nguyễn Công Lý
 Tổng Giám đốc
